ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4000/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án nghiên cứu khả thi về phát triển bền vững nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Israel trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 2075-CV/VPTU ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc trích Biên bản số 63-BB/TU ngày 9 tháng 11 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Văn bản số 489-KL/TU ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc về tình hình triển khai nghiên cứu và ứng dụng các kinh nghiệm, công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp của Israel trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 9857-CV/TU ngày 14 tháng 9 năm 2020 về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 10 tháng 9 năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4168/TTr-SNN ngày 06 tháng 10 năm 2020 và Báo cáo số 4418/BC.SNN ngày 23 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án nghiên cứu khả thi về phát triển bền vững nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Israel trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030, với nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, thích nghi với sự biến đổi của khí hậu, tình trạng đất nông nghiệp bị thu hẹp và nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.

Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất để giảm chi phí sản xuất, phù hợp với xu thế thay đổi cơ cấu lao động trong các thành phần kinh tế. Xây dựng chuỗi

giá trị khép kín cho từng loại sản phẩm từ khâu giống cho đến tiêu thụ sản phẩm, xác định thị trường tiêu thụ chính, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao phải khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực trong nước và địa phương, tiếp thu có chọn lọc thành tựu công nghệ cao của thế giới nói chung và của Israel nói riêng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Đồng Nai.

Phát triển Nông nghiệp công nghệ cao phải huy động sự tham gia của các lực lượng nghiên cứu, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực, thành phần kinh tế, các tổ chức khoa học công nghệ trong tỉnh.

Hướng tới phát triển ngành nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng nông sản

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao phải gắn với nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn, góp phần thực hiện thành công chương trình nông thôn mới, nâng cao trình độ, vị thế của người dân ở các vùng nông thôn, giúp người nông dân vươn lên làm giàu.

II. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Ứng dụng một cách chọn lọc các tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao của Isreal vào trong sản xuất nông nghiệp. Nâng cao giá trị, năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, đáp ứng các yêu cầu tiêu thụ của thị trường trong nước, xuất khẩu và nguyên liệu cho ngành chế biến.

Xây dựng, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa theo các quy trình, tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường, trên cơ sở khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên trên nền tảng ứng dụng công nghệ cao của thế giới nói chung và Isreal nói riêng gắn với quá trình đô thị hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần nâng cao thu nhập và vươn lên làm giàu của người dân khu vực nông thôn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn đến năm 2025

Tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị sản phẩm thông qua áp dụng các tiến bộ về khoa học và công nghệ; xây dựng nền tảng cần thiết để thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường ở giai đoạn tiếp theo. Một số chỉ tiêu cụ thể, gồm:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 4,5%/năm, trong đó: trồng trọt tăng 3,0-4,0%/năm, chăn nuôi tăng 5,0-5,5%/năm, dịch vụ nông nghiệp tăng 5,0-6,0%/năm, thủy sản tăng 5,0-5,5%/năm, lâm nghiệp tăng 1,5-2,0%.

- Giá trị thu hoạch sản phẩm nông nghiệp bình quân/1ha đất đạt khoảng 300 triệu đồng. Thu nhập bình quân đầu người của nông dân tăng ít nhất 30% so với năm 2020.

- Tỉ trọng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 50% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Có 100% diện tích các loại cây ăn trái chủ lực và 60% diện tích cây rau màu được ứng dụng một phần hoặc hoàn toàn công nghệ cao, áp dụng cơ giới hóa trong quá trình sản xuất.

- Xây dựng hoàn chỉnh các mô hình cây ăn trái chủ lực phục vụ cho xuất khẩu, sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh và khép kín quy trình từ khâu giống đến tiêu thụ xuất khẩu, trên cơ sở áp dụng tối đa các công nghệ cao của Isreal vào quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm. Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết là 40% đối với trồng trọt; 80% đối với chăn nuôi và 30% đối với thủy sản.

- Sản phẩm chăn nuôi trang trại chiếm 90% tổng sản lượng ngành chăn nuôi; có 50% số trang trại chăn nuôi được ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, 50% số trang trại được công nhận an toàn dịch bệnh.

- Có 100% chủ trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ cao trong sản xuấtnông nghiệp; 100% số lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tập huấn về các quy trình, kỹ thuật vận hành sản xuất công nghệ cao.

Tầm nhìn đến năm 2030

Hình thành nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với phướng thức tổ chức sản xuất hợp lý; hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, hiệu quả và bền vững. Một số chỉ tiêu cụ thể:

-Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nông nghiệp đạt 4,5-5,0%/ năm, trong đó: Trồng trọt tăng 3,5-4,0%/năm, chăn nuôi tăng 5- 5,5%/ năm, dịch vụ nông nghiệp tăng 5,5-6,5%/ năm, và thủy sản tăng 5,5-6,5%/năm và lâm nghiệp tăng trưởng 1,7-2,2% /năm.

- Giá trị thu hoạch sản phẩm nông nghiệp bình quân/1ha đất sản xuất đạt khoảng 350 triệu đồng; thu nhập bình quân đầu người nông dân tăng ít nhất 35% so với năm 2025.

- Hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh cho các loại sản phẩm cây ăn trái chủ lực phục vụ xuất khẩu, các loại sản phẩm dùng cho nguyên liệu chế biến và tiêu thụ trong nước.

- Phấn đấu có 100% diện tích cây trồng được áp dụng cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao một phần hoặc hoàn toàn vào quá trình sản xuất, chế biến bảo quản nông sản.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 70% giá trị toàn ngành nông nghiệp.

- Số lao động qua tập huấn, bồi dưỡng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong các trang trại, hợp tác xã đạt 100%. Xây dựng đội ngũ nhân sự, chuyên gia nông nghiệp, lực lượng được đào tạo bài bản, đáp ứng nhu cầu sản xuất, canh tác nông nghiệp công nghệ cao, tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết là 60% đối với trồng trọt; 90% đối với chăn nuôi và 50% đối với thủy sản.

III. Định hướng, nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Định hướng

3.1.1. Định hướng phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao

3.1.1.1. Lĩnh vực trồng trọt

Trồng trọt là lĩnh vực then chốt của tỉnh cần tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt để làm tăng năng suất, chất lượng, giảm nguy cơ về dịch bệnh, giảm lực lượng lao động trực tiếp, giảm thất thoát hư hao trong khâu thu hoạch, vận chuyển.

Các sản phẩm trong trồng trọt phải hướng tới đạt các tiêu chuẩn GAP và GlobalGAP, phải xây dựng thương hiệu riêng nhằm tăng giá trị cho giá trị cho sản phẩm.

Đồng Nai là tỉnh có lợi thế phát triển cây ăn trái, có nhiều sản phẩm cây ăn quả chủ lực, đặc biệt tạo nên bản sắc riêng của vùng. Việc ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt cần đặc biệt chú ý việc chọn lọc, nghiên cứu lai tạo các giống cây trồng truyền thống, đặc sản của địa phương, bên cạnh việc lai tạo, khảo nghiệm các giống mới của thế giới tại tỉnh.

Việc phát triển giống cây ăn quả của tỉnh cần hướng tới việc thành lập vườn ươm khảo nghiệm giống cây ăn quả chất lượng cao trên địa bàn tỉnh, không chỉ phục vụ cho địa phương mà trong cả khu vực, cả nước.

3.1.1.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Ưu tiên phát triển các loại vật nuôi chính gồm: heo, gà theo hướng chăn nuôi trang trại và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Quản lý, phát triển và hình thành các khu vực chăn nuôi công nghiệp tập trung, xa khu dân cư, ứng dụng công nghệ cao, hiện đại vào trong chăn nuôi, có hệ thống xử lý chất thải bảo đảm tiêu chuẩn quốc gia về vệ sinh môi trường.

Khuyến khích các trang trại chăn nuôi áp dụng, chuyển đổi công nghệ từ nuôi chuồng hở sang kiểu chuồng kín.

Áp dụng hệ thống quản lý, kiểm soát nguy cơ ô nhiễm đất và nước từ chất thải chăn nuôi, phát triển nguồn năng lượng tái tạo từ các phụ phẩm ngành chăn nuôi.

3.1.1.3. Lĩnh vực thủy sản

Phát triển các loại hình nuôi trên các vùng sinh thái, đa dạng hóa các đối tượng nuôi như: nuôi nước ngọt, nuôi nước mặn lợ có giá trị kinh tế cao và phục vụ nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, xuất khẩu.

Phát triển ngành nuôi trồng thủy sản theo chiều sâu, hình thành các vùng nuôi với các hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh theo quy mô công nghiệp.

Áp dụng các công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn kỹ thuật mới (VietGAP, BMP, CoC) gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái.

3.1.2. Định hướng phát triển dịch vụ nông nghiệp

Khuyến khích phát triển các dịch vụ trong nông nghiệp: 1) Dịch vụ sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi. 2) Dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ cơ khí vận tải, các dịch vụ về khuyến nông, thú y, tư vấn nông nghiệp. 3) Đặc biệt, khuyến khích các ngành công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, áp dụng công nghệ hiện đại, làm ra các sản phẩm có giá trị cao, mở ra hướng mới phát triển thị trường.4) Xây dựng một số đề án tập trung phát triển đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề cho một số lĩnh vực chế biến sản phẩm nông nghiệp.

3.1.3.Định hướng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở trong nước và xuất khẩu

Thị trường trong nước tập trung vào các chợ đầu mối nông sản, các siêu thị, các chuỗi cửa hàng bán các sản phẩm nông sản cao cấp và các nhà máy chế biến nông sản trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Thị trường thế giới hướng tới các thị trường chính là Châu Âu, các nước Trung Đông, Hàn Quốc, Nhật Bản.

3.1.4.Định hướng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Hướng đào tạo cán bộ tập trung vào 5 lĩnh vực chính là ứng dụng công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ máy móc tự động hóa, ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng thương hiệu - xúc tiến đầu tư - thương mại nông nghiệp công nghệ cao.

Đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao tại chỗ: Ngành nông nghiệp của tỉnh cần lập một đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao cho tất cả các đối tượng tham gia sản xuất, chế biến và tiêu thụ, trên cơ sở thực hiện của đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Israel.

3.2. Nhiệm vụ

3.2.1. Xây dựng các mô hình thí điểm điển hình

Nghiên cứu thực hiện 13 mô hình thí điểm các loại cây trồng quan trọng, có tiềm năng áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương, có lợi thế cạnh tranh để làm thí điểm gồm:

a) Nhóm mô hình công nghệ cao mang tính đột phá (nhóm A), áp dụng các giống mới cho năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng ứng dụng nhiều công nghệ cao của Israel từ khâu sản xuất đến sơ chế, bảo quản, tiêu thụ, định hướng cho xuất khẩu. Nhóm này gồm 5 mô hình đối với các loại cây trồng như: Bơ Hass, thanh long vỏ vàng, dứa MD2, chanh dây, chuối già Nam Mỹ.

b) Nhóm mô hình thí điểm trọng yếu (nhóm B), chủ lực nhằm tăng cường khả năng áp dụng công nghệ cao vào một số cây trồng quan trọng tại địa phương gồm 3 mô hình như: các loại rau trồng trong nhà lưới, tiêu, bưởi da xanh.

c) Nhóm các mô hình mang tính hỗ trợ cho nền nông nghiệp truyền thống của địa phương (nhóm C) gồm 5 mô hình: Măng cụt, mít, xoài, chôm chôm, sầu riêng.

Quy mô, địa điểm triển khai thực hiện các mô hình thí điểm, dự kiến cụ thể như sau:

1. Mô hình thí điểm trồng bơ Hass, quy mô 10 ha, tại huyện Cẩm Mỹ.

2. Mô hình thí điểm trồng thanh long vỏ vàng, quy mô 10 ha, tại huyện Cẩm Mỹ.

3. Mô hình thí điểm trồng dứa MDII, quy mô 10 ha, tại huyện Cẩm Mỹ.

4. Mô hình thí điểm trồng chanh dây, quy mô 10 ha, tại huyện Cẩm Mỹ

5. Mô hình trồng chuối xuất khẩu, quy mô 10 ha, tại huyện Trảng Bom.

6. Mô hình thí điểm trồng rau nhà lưới, quy mô 3 ha, tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai (nếu sử dụng quỹ đất công để triển khai) hoặc tại các huyện Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc (sử dụng đất của người dân). Quy mô thí điểm cho mỗi địa phương là 0,5 ha.

7. Mô hình thí điểm trồng hồ tiêu, quy mô 2 ha, tại huyện Tân Phú và Cẩm Mỹ, mỗi huyện 1 ha.

8. Mô hình thí điểm trồng bưởi: Quy mô 2 ha ở huyện Vĩnh Cửu.

9. Mô hình thí điểm trồng măng cụt, quy mô 2 ha ở TP. Long Khánh.

10. Mô hình thí điểm trồng mít, quy mô 2 ha ở TP. Long Khánh, Định Quán mỗi huyện 1 ha.

11. Mô hình thí điểm trồng xoài, quy mô 4 ha ở huyện Xuân Lộc (xoài ghép Đài Loan, 2 ha), huyện Vĩnh Cửu (xoài cát Hòa Lộc, 2 ha).

12. Mô hình thí điểm trồng sầu riêng, quy mô 2 ha, tai huyện Tân Phú.

13. Mô hình thí điểm cây chôm chôm, quy mô 2 ha ở TP. Long Khánh.

3.2.2. Xây dựng vườn ươm giống cây ăn trái

Xây dựng 01 vườn ươm giống cây ăn trái tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai, với mục tiêu:

a) Phát triển nguồn giống cây ăn trái, sử dụng tiến bộ kỹ thuật nhân giống để sản xuất cây giống có năng suất, chất lượng cao phục vụ cho sản xuất cây ăn trái địa phương và các vùng lân cận. Quy mô sản xuất cây con ăn trái như: sầu riêng, mít, bưởi, chôm chôm, măng cầu, măng cụt với khả năng cung cấp 500.000 cây giống/năm.

b) Khảo nghiệm, trồng và gây giống cây ăn trái giống mới do Israel cung cấp làm thí điểm như: bơ Hass, thanh long vỏ vàng, dứa MD2, chanh dây. Trong tương lai, hướng tới việc phát triển các giống cây ăn trái mới có giá trị kinh tế cao.

3.2.3.Đào tạo nguồn nhân lực trong nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Mở các lớp đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng về nông nghiệp công nghệ cao theo tình hình triển khai thực tế tại địa phương; xây dựng, cung cấp nội dung học theo từng lĩnh vực và đối tượng áp dụng cho người học; trang bị kiến thức và đánh giá khả năng áp dụng vào thực tiễn của người học; đồng thời đánh giá lại mức độ phù hợp của nội dung chương trình sau khi kết thúc khóa học nhằm kịp thời điều chỉnh lại nội dung đào tạo.

3.2.4. Xây dựng phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng sản phẩm nông nghiệp

Xây dựng, thành lập phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng sản phẩm nông nghiệp tại chợ đầu mối nông sản Dầu Giây giai đoạn 2 với chức năng, nhiệm vụ chính là: Kiểm nghiệm, kiểm định, cung cấp thông tin, kết quả phân tích (phù hợp bộ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế) theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân trong tỉnh về chất lượng các mặt hàng nông, lâm, thủy sản.

3.2.5. Xây dựng trung tâm thông tin nông nghiệp

Xây dựng trung tâm thông tin nông nghiệp hỗ trợ công tác quản lý, sản hoạt động xuất nông nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ cao để quản lý dữ liệu ngành nông nghiệp một cách khoa học; đồng thời khai thác dữ liệu nông nghiệp linh hoạt theo không gian và thời gian, phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo phát triển bền vững ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai.

3.3. Giải pháp

3.3.1. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ

3.3.1.1. Nhóm giải pháp công nghệ áp dụng trong lĩnh vực trồng trọt

a) Áp dụng công nghệ nhà lưới cho các loại hình trồng, trong đó ưu tiên triển khai đối với các loại cây trồng như rau ăn lá, dưa lưới trên địa bàn tỉnh;

b) Áp dụng công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt cho nhóm các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao.

c) Áp dụng các giải pháp kỹ thuật chăm sóc, xử lý ra hoa và phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng. Thực hiện sản xuất theo quy trình GAP;

d) Áp dụng công nghệ sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, trong đó ưu tiên triển khai đối với các loại cây trồng như các loại cây rau, lúa.

đ) Đảm bảo chất lượng giống cây trồng thông qua việc xây dựng vườn ươm giống cây ăn quả tại Trung tâm công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai nhằm khảo sát, chọn lọc cây đầu dòng; xây dựng vườn cây đầu dòng; phát triển khu khảo nghiệm giống.

e) Sử dụng chất xám chuyên gia Israel trong việc tư vấn sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho các mô hình thí điểm tại địa phương cũng như trong việc đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho nông dân, chủ trang trại, hợp tác xã và các đối tượng cần thiết khác.

g) Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho nông dân, chủ trang trại, hợp tác xã, người quản lý và các chuyên gia nông nghiệp nòng cốt của tỉnh để phát triển một nền nông nghiệp làm chủ khoa học công nghệ cao vào thực tiễn sản xuất.

3.3.1.2. Nhóm giải pháp công nghệ áp dụng trong lĩnh vực chăn nuôi

a) Áp dụng công nghệ chăn nuôi chuồng kín (chuồng lạnh) đối với các loại sản phẩm như heo, gà.

b) Lựa chọn, áp dụng các giải pháp công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi, quy mô chăn nuôi, gồm: hệ thống hầm biogas tái sử dụng khí mê tan chạy máy phát điện hoặc dùng để xử lý xác chết thú nuôi, hệ thống bể lắng xử lý nước thải đối với chăn nuôi nhỏ; sử dụng công nghệ CDM hoặc công nghệ theo mô hình quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi quy mô trang trại Lcasp để xử lý chất thải chăn nuôi quy mô trang trại; Áp dụng công nghệ đệm lót sinh học tiết kiệm nước, bổ sung thảo mộc vào thức ăn để giảm mùi hôi; sử dụng công nghệ thu gom (ép viên) và xử lý chất thải từ chăn nuôi thành phân hữu cơ, có thể áp dụng các phương pháp như ủ phân hữu cơ sử dụng hệ thống ASP hay ủ men vi sinh vật làm phân vi sinh.

3.3.1.3. Nhóm giải pháp công nghệ áp dụng trong lĩnh vực thủy sản.

Tùy theo loại hình nuôi, quy mô nuôi trồng để lựa chọn, áp dụng các công nghệ sau:

- Công nghệ nuôi trồng thủy sản tuần hoàn (Recirculating Aquaculture Systems - RAS)

- Hệ thống lọc sinh học - Single Pass BioFilter (SPB):

- Hệ thống xử lý chất thải áp dụng phương pháp sinh học

- Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp

- Hệ thống xử lý chất thải áp dụng công nghệ điện hoá

- Giải pháp công nghệ nâng cao chất lượng giống

- Quản lý chất lượng nước thải và bùn thải

- Các giải pháp phòng, trừ dịch bệnh thủy sản

3.3.1.4. Giải pháp công nghệ áp dụng cho các mô hình thí điểm

a) Sử dụng giải pháp công nghệ khép kín, đồng bộ, trọn gói theo hình thức "chìa khóa trao tay" của chuyên gia Israel cho các mô hình thí điểm đột phá nhóm A gồm: Bơ hass, thanh long vỏ vàng, dứa MD2, chanh dây, chuối già Nam Mỹ.

b) Sử dụng giải pháp công nghệ Israel từng phần, hỗ trợ cho các mô hình thí điểm nhóm B và nhóm C. Các công nghệ được lựa chọn gồm: công nghệ tưới, công nghệ giám sát vi khí hậu và điều khiển tự động, công nghệ chăm sóc cây trồng như: bón phân, thụ phấn bổ sung, quản lý dịch hại, kiểm soát cơ giới, kiểm soát canh tác, kiểm soát hóa học, kiểm soát sinh học, kỹ thuật xử lý ra hoa trái vụ đối với các loại cây trồng. Các cây trồng được lựa chọn áp dụng thí điểm là: các loại rau và cây ăn quả như sầu riêng, xoài, bưởi, chôm chôm, măng cụt, mít, hồ tiêu.

3.3.2.Nhóm giải pháp về hệ thống thông tin nông nghiệp, thị trường nông sản và xây dựng chuỗi giá trị nông sản

3.3.2.1. Hệ thống thông tin nông nghiệp

Trung tâm thông tin nông nghiệp được xây dựng sẽ hỗ trợ công tác quản lý dựa trên nền tảng công nghệ cao. Hệ thống có khả năng quản lý dữ liệu ngành nông nghiệp một cách khoa học, cho phép khai thác dữ liệu nông nghiệp linh hoạt theo không gian và thời gian. Từ đó, giúp cung cấp thông tin nhanh, chính xác phục vụ phát triển nông nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững ngành nông nghiệp của tỉnh. Các thông tin luôn được cập nhật liên tục, xử lý kịp thời và các phương án khả thi được đưa ra nhằm tăng hiệu quả cao nhất và giảm thiệt hại thấp nhất cho người sản xuất nông nghiệp. Các dữ liệu được thu thập chính xác, thống kê, phân tích cho mỗi vùng nông nghiệp phục vụ nghiên cứu và đưa ra giải pháp tối ưu cho việc canh tác từng loại cây trồng, phương pháp phòng ngừa từng loại sâu bệnh hiệu quả, đảm bảo chất lượng sản phẩm sau thu hoạch, lợi nhuận cao và tăng giá trị sản phẩm thông qua các dịch vụ giá trị gia tăng. Chia sẻ kinh nghiệm cho các địa phương khác, chuyển giao kiến thức giáo dục nông nghiệp hiệu quả nhất cho những người tham gia vào chuỗi sản xuất nông nghiệp, từ đó thúc đẩy ứng dụng công nghệ, kỹ năng quản lí sản xuất, tổ chức kinh doanh và kết nối cộng đồng.

Trung tâm thông tin nông nghiệp sẽ được trang bị tại đầu mối trung tâm là Trung tâm công nghệ sinh học Đồng Nai và các trung tâm vệ tinh tại 10 huyện, thành phố trong tỉnh.

3.3.2.2. Giải pháp chuỗi giá trị chăn nuôi

Trong bối cảnh nhu cầu sản phẩm chăn nuôi ngày càng tăng cả về số lượng cũng như chất lượng, các vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm, phát triển bền vững, cạnh tranh thị trường gay gắt, chế biến sâu sản phẩm thịt và kết nối thị trường xuất khẩu còn yếu, chưa hình thành được các chuỗi liên kết, chuỗi giá trị hàng hóa chăn nuôi, muốn phát triển ngành chăn nuôi bền vững thì việc xây dựng mô hình chuỗi giá trị ngành chăn nuôi là một yêu cầu cần thiết.

3.3.2.3. Giải pháp chuỗi liên kết cây ăn trái

Việc xây dựng, phát triển các mô hình liên kết trong sản xuất, tiêu thụ đối với nhóm cây ăn quả thật sự cần thiết nhằm giải quyết bài toán tiêu thụ nông sản ổn định, khắc phục tình trạng được mùa mất giá và giải quyết hài hòa lợi ích giữa các tác nhân trong chuỗi liên kết sản phẩm nông sản, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

3.3.2.4. Giải pháp sơ chế, đóng gói, bảo quản, giới thiệu và phân phối nông sản của tỉnh.

Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây giai đoạn 2 và 02 Cụm công nghiệp chế biến nông sản tại huyện: Định Quán, Cẩm Mỹ để thực hiện việc kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến nông sản, trung tâm sơ chế, đóng gói, bảo quản, giới thiệu và phân phối sản phẩm nông sản của tỉnh.

3.3.3. Nhóm giải pháp về chính sách

Nghiên cứu xây dựng hoặc lồng ghép các chính sách nhà nước đã ban hành để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ: thúc đẩy phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị; khuyến khích người dân chuyển đổi từ kinh tế hộ sang trang trại và vươn lên thành doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển các cơ quan nghiên cứu chuyên sâu, các cơ quan nghiên cứu và phát triển phục vụ nông nghiệp; chính sách hỗ trợ đầu tư tư nhân và thu hút đầu tư cho khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp; chính sách tăng cường phối hợp giữa 5 nhà: nhà nước-nhà khoa học-nhà doanh nghiệp-nhà tư vấn- nhà nông; chính sách tín dụng đối với nông dân và các doanh nghiệp; chính sách đào tạo cho lao động nông nghiệp công nghệ cao; chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu; Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ; Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; Miễn, giảm tiền sử dụng đất; Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường.

IV.Tổng khái toán nhu cầu vốn của đề án

Tổng kinh phí: **842.783.100.000 đồng** (Tám trăm bốn mươi hai tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu, một trăm ngàn đồng)

Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư: 329.306.800.000 đồng *(Ba trăm hai chín tỉ, ba trăm lẻ sáu triệu, tám trăm ngàn đồng)*, gồm:

+ Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 194.631.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi bốn tỷ, sáu trăm ba mươi mốt triệu đồng)*

+ Nguồn vốn sự nghiệp hàng năm: 134.675.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi tỷ, sáu trăm bảy mươi năm triệu đồng)*

- Nguồn vốn tư nhân (doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân): 513.476.300.000 đồng *(Năm trăm mười ba tỉ, bốn trăm bảy sáu triệu, ba trăm ngàn đồng)*.

Quá trình tổ chức thực hiện đề án, căn cứ vào điều kiện nguồn lực của ngân sách để cân đối và bố trí kinh phí theo kế hoạch từng năm, lồng ghép với nguồn vốn thực hiện các chương trình dự án khác có liên quan.

V. Tổ chức thực hiện

5.1. Xây dựng kế hoạch triển khai đề án

Đề án có nhiều nội dung giải pháp công nghệ mới so với thực tế sản xuất nông nghiệp tại Đồng Nai hiện nay, quá trình triển khai thực hiện đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan. Do vậy phải xây dựng kế hoạch chi tiết để xác định các nội dung, nguồn vốn, lộ trình, phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng đơn vị có liên quan tham gia.

Việc triển khai thực hiện xây dựng các mô hình thí điểm mới, đòi hỏi phải có sự đánh giá kỹ lưỡng về hiệu quả trong thực tế trước khi nhân rộng.Trước mắt tập trung triển khai thực hiện xây dựng 4 mô hình thí điểm nhóm A tại Trung tâm công nghệ sinh học Đồng Nai, sau khi có kết quả đánh giá hiệu quả các mô hình nêu trên mới triển khai các nội dung khác của đề án, lộ trình thực hiện như sau:

Giai đoạn 1 (Năm thứ nhất và năm thứ 2): Đầu tư 04 mô hình điển hình đột phá nhóm A : Bơ Hass, thanh long vỏ vàng, dứa MD2, chanh dây. Đây là 04 mô hình đem lại hiệu quả kinh tế cao và rất cao so với giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh hiện nay, cần ưu tiên đầu tư tập trung, quản lý nhà nước. Nếu thành công, nhóm mô hình này sẽ tạo thành đòn bẩy kinh tế rất hiệu quả cho nền nông nghiệp của tỉnh.

Để hỗ trợ 04 mô hình thí điểm nhóm A đi vào hoạt động, cần đầu tư vườn ươm giống cây ăn quả và khai thác chất xám của chuyên gia Israel trong giai đoạn thực hiện. Đây là hai dự án hỗ trợ đặc biệt cho việc thử nghiệm, khảo nghiệm các giống cây mới tại Đồng Nai, liên quan trực tiếp đến việc thành công của các mô hình điển hình, đặc biệt là các mô hình nhóm A.

Giai đoạn 2 (Năm thứ 3): Triển khai thực hiện các mô hình thí điểm nhóm B, nhóm C; đồng thời xây dựng các nội dung khác của đề án để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp như: Đầu tư xây dựng Trung tâm thông tin nông nghiệp của tỉnh

nhằm thực hiện công tác quản lý thông tin của ngành nông nghiệp, việc sử dụng thông tin hữu ích cho quá trình canh tác, điều hành của doanh nghiệp, hợp tác xã, người nông dân sẽ được số hóa một cách hiệu quả, dễ dàng, khoa học, thiết thực; Xây dựng chuỗi giá trị cây ăn quả; tổ chức thực hiện công tác đào tạo, tập huấn cho các đối tượng có liên quan.

Giai đoạn 3 (Năm thứ 4): Xây dựng chuỗi giá trị chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi. Đây là những dự án đòi hỏi công tác quản lý, chính sách của chính quyền phải nghiêm minh, các chế tài phải rõ ràng, chặt chẽ nên sẽ là một thách thức không nhỏ đối với ngành nông nghiệp của tỉnh. Các nhà quản lý nông nghiệp của tỉnh cần có thời gian để tập trung rà soát kỹ hiện trạng vi phạm và xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả, phù hợp với địa phương.

Giai đoạn 4 (Năm thứ 5): Phần lớn các dự án trọng điểm của đề án đều đã được triển khai ở 3 giai đoạn đầu. Sang đến năm thứ 5 của đề án, một số mô hình thí điểm đã thu hoạch và bước đầu đánh giá được mức độ thành công, ảnh hưởng của nó đối với mục tiêu, kỳ vọng phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh. Nhiệm vụ của năm thứ 5 thực hiện đề án sẽ bao gồm các nhiệm vụ:

- Bước đầu nghiệm thu, đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư.

- Rà soát những điểm mạnh, điểm yếu, thành công, hạn chế. Từ đó có đề xuất bổ sung, thay đổi, điều chỉnh nhằm giúp các dự án đạt được hiệu quả cao hơn nữa.

- Tiếp tục hỗ trợ các dự án chưa hoàn thành, tiếp tục thúc đẩy các dự án đã hoàn thành tiến lên mục tiêu cao hơn.

- Bắt đầu chuẩn bị cho kế hoạch nhân rộng cho người dân.

5.2. Phân công nhiệm vụ

5.2.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Tổ tư vấn thực hiện Đề án; xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đề án và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Chủ trì phối hợp với Tổ tư vấn, các sở, ngành có liên quan, đơn vị tư vấn thực hiện đề xuất, lập, thẩm định trình phê duyệt các mô hình, chương trình, dự án cụ thể thuộc Đề án phát triển bền vững nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Israel trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Theo dõi, tổng hợp và đánh giá tình kết quả triển khai thực hiện các nội dung đề án của các sở, ngành, địa phương có liên quan.

5.2.2. Tổ tư vấn thực hiện Đề án

Thành lập Tổ tư vấn với thành phần tham gia là lãnh đạo, cán bộ có kinh nghiệm của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ, theo dõi quá trình thực hiện đề án của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cũng như các đơn vị liên quan. Mục tiêu là thực hiện có hiệu quả đề án, phát huy được tổng thể sức mạnh trí tuệ của địa phương trong sự nghiệp phát triển một nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5.2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, dự án, kế hoạch triển khai hàng năm.

b) Hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các đơn vị có liên quan về trình tự, thủ tục cần thiết thực hiện dự án đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo đúng quy định pháp luật, đúng tiến độ đề ra.

5.2.4. Sở Tài chính

Tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối bố trí nguồn vốn sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện đề án đã phê duyệt.

5.2.5. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại nông lâm thủy sản nhằm giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm nông lâm sản và thủy sản.

5.2.6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường.

5.2.7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hỗ trợ cơ sở sản xuất áp dụng các chương trình quản lý chất lượng tiên tiến vào trong quá trình sản xuất (HACCP, VietGAP, ISO, GMP, SSOP, ...); kết quả thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

b) Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp dưới dạng nhãn hiệu đối với các sản phẩm thuộc đề án.

5.2.8. UBND các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung đề án và những chính sách ưu đãi của tỉnh về phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn đến các doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã, người nông dân để thực hiện.

b) Tổ chức triển khai thực hiện xây dựng các mô hình thí điểm của đề án trên địa bàn địa phương quản lý.

c) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện đề án, kế hoạch.

d) Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nội dung của đề án, kế hoạch theo phân công, phối hợp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

5.2.9. Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai (Ban quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai)

a) Là đơn vị chủ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư xây dựng 04 mô hình điển hình đột phá nhóm A: Bơ Hass, thanh long vỏ vàng, dứa MD2, chanh dây; Vườm ươm cây giống ăn quả và một số nội dung có liên quan khác.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố thực hiện các nội dung khác có liên quan.

5.2.10. Các doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã

Những doanh nghiệp tham gia đề án được tạo điều kiện, hỗ trợ về kinh phí đầu tư để cùng xây dựng, triển khai các dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chủ động tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm để làm đầu tàu xây dựng chuỗi giá trị nông sản của tỉnh.

5.2.11. Đối với các nông hộ

Kết nối với UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan có liên quan, doanh nghiệp để được hỗ trợ hướng dẫn thông tin về đề án, thông tin tham gia đề án, được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật, công nghệ, tập huấn, bồi dưỡng về nguồn nhân lực, đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch trên mảnh đất của mình, được kết nối liên kết tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã sản xuất.

5.2.12. Chế độ báo cáo thông tin

a) Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, báo cáo hàng năm theo quy định về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện và

tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện đề án theo định kỳ 6 tháng, hàng năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Trưởng ban Ban quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng